

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2023
V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Tuấn Mỹ

+ Ông PhA Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Q, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trương Phi A, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Q, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày: Bà T và ông Trương Phi A tự nguyện kết hôn năm 2019 và được Ủy ban nhân dân xã D cấp Giấy đăng ký kết hôn số 11 ngày 15/3/2019. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì giữa bà T, ông A bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung do ông A không có trách nhiệm với gia đình, không chịu đi làm, kiếm thu nhập, phụ giúp kinh tế, chăm sóc con chung cùng bà T. Mặc dù, bà T đã rất cố gắng cho ông A nhiều cơ hội để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng khoảng cách giữa hai bên ngày càng lớn, mâu thuẫn luôn xảy ra nên không thể hàn gắn được. Nay, bà T xác định không còn tình cảm với ông A nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông A. Về con chung: Bà T và ông A có 01 con chung là Trương Trần Khánh N, sinh ngày 25/5/2019. Hiện, con chung do bà T đAg nuôi dưỡng, chăm sóc nên bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung

cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Đối với bị đơn ông Trương Phi A, Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, biên bản niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông A theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn ông A; Về con chung: Giao con chung là Trương Trần Khánh N, sinh ngày 25/5/2019 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông A do bà T không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tra cứu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Phi A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Trương Phi A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn hợp pháp, đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D theo Giấy đăng ký kết hôn số 11 ngày 15/3/2019. Xét trong thời gian chung sống, giữa bà T và ông A không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nguyên nhân do ông A không cùng chăm lo, phụ giúp kinh tế gia đình và chăm sóc con chung với bà T, dẫn đến cuộc sống chung của hai bên luôn xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Mặt khác, ông A được Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều này thể hiện ông A đã không mong muốn, thiện chí trong việc hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn ông A.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị Kim T và ông Trương Phi A có 01 con chung là Trương Trần Khánh N, sinh ngày 25/5/2019. Xét con chung hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà T có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần giao con chung cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hợp lý. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản

trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông A đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Kim T được ly hôn ông Trương Phi A.

2. Về con chung: Giao con chung là Trương Trần Khánh N, sinh ngày 25/5/2019 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Trương Phi A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương Phi A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T, ông A đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim T xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000038 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Di, D (nơi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Ngọc Lệ